

Số: 54/2026/QĐST-DS

Văn Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 487/2026/DS-ST ngày 18/11/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn **Ngân hàng T4**; địa chỉ: **số A T, phường H, thành phố Hà Nội**; Người đại diện pháp luật: ông **Nguyễn Anh T** – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Nhật H** – chức vụ: Phó Tổng giám đốc; Người được ủy quyền lại: ông **Nguyễn Hoài N**, ông **Chu Hữu C**, ông **Nguyễn Khắc C1** và ông **Nguyễn Minh T1** (Giấy ủy quyền số 379/2026/GUQ-VCB Neo ngày 18/8/2026).

Bị đơn: bà **Đào Thị Hải Y**, sinh năm 1979 và ông **Nguyễn Mạnh H1**, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: **Đ, thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên**.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: ông **Nguyễn Đình N1**, sinh năm 1975; địa chỉ: **số A, đường C Khu đô thị G, phường H, thành phố Hà Nội**; ông **Trần Trọng N2**, sinh năm 1998; địa chỉ: **đội C, thôn P, thành phố Hà Nội**. (Giấy ủy quyền ngày 31/12/2025)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Bùi Mạnh T2**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thị Thu H2**, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: **thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên**.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền bà **Đào Thị Hải Y** và ông **Nguyễn Mạnh H1** phải trả **Ngân hàng T4** số tạm tính đến ngày 20/8/2026, bao gồm nợ gốc, lãi như sau:

Nợ gốc 4.999.999.955đ; nợ lãi trong hạn: 1.953.946.793đ và tiền lãi chậm trả 314.701.636đ; lãi quá hạn gốc: 60.747.906đ. Tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm

tính đến ngày 20/8/2026 là 7.329.396.290đ (bảy tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi đồng).

Ông **Nguyễn Mạnh H1** và bà **Đào Thị Hải Y** còn đồng thời phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký phát sinh kể từ ngày 21/8/2026 cho đến khi tất toán các khoản nợ.

2. Về thời hạn trả nợ: Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật thì ông **H1**, bà **Y** có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, lãi phát sinh cho **Ngân hàng T4**.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông **H1**, bà **Y** không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thống nhất thỏa thuận, **Ngân hàng T4** Công nghệ số có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

T3 thế chấp hiện nay vợ chồng ông **T2** bà **H2** đang quản lý, sử dụng do vậy ông **H1**, bà **Y** cùng với vợ chồng ông **T2**, bà **H2** có trách nhiệm phải bàn giao tài sản để **Ngân hàng T4** Công nghệ xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp cụ thể như sau:

Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 21, **thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên** và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà ở, sân gạch, cổng, công trình phụ khép kín và các công trình xây dựng khác gắn liền trên đất. Chủ sử dụng đất là ông **Nguyễn Mạnh H1** và bà **Đào Thị Hải Y** theo GCN quyền sử dụng đất số CN 703632 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H** cấp ngày 29/11/2018; Nội dung thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: Chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Mạnh H1** và bà **Đào Thị Hải Y**.

Trong trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà **Y**, ông **H1** phải có nghĩa vụ trả cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay của Ngân hàng.

4. Về án phí:

Bị đơn là ông **Nguyễn Mạnh H1** và bà **Đào Thị Hải Y** tự nguyện liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 57.665.000đ (năm mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại **Ngân hàng T4** Công nghệ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.050.000đ (năm mươi sáu triệu, không trăm lăm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000339 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Phan Thị Bích Thủy